TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Thành;

Ông Đỗ Ngọc Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Trúc Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 09 tháng 2 năm 2001 tại huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H1 (sinh năm 1971) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1972); chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 04/02/2021, bị TAND huyện Vạn Ninh ra Quyết định số: 16/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, chấp hành xong ngày 17/11/2022.

Nhân thân:

+ Ngày 18/11/2014, bị TAND huyện Vạn Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường Giáo dưỡng bắt buộc theo Quyết định số: 01/QĐ-TA thời hạn 18 tháng về hành vi *"Hiếp dâm trẻ em"*; chấp hành xong ngày 08/6/2016.

+ Ngày 24/11/2023, bị TAND huyện Vạn Ninh ra Quyết định số: 61/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Lê Văn V – sinh ngày 10 tháng 4 năm 1991 tại V, Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (chết) và bà Đặng Thị Thanh C (chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 19/4/2010 bị TAND tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm tuyên phạt 09 tháng 9 ngày tù về tội *"Cướp tài sản"* theo Bản số: 59/2010/HSPT; bị bắt giam ngày 10/7/2009, được tuyên trả tự do tại Tòa theo Quyết định số 02/2010/HSPT-QĐ ngày 19/4/2010.

+ Ngày 19/9/2012, bị TAND tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm tuyên phạt 04 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo Bản án số: 150/2012/HSPT; chấp hành xong ngày 08/8/2015.

+ Ngày 14/2/2017, bị TAND huyện Vạn Ninh tuyên phạt 01 năm 3 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 12/2017/HSST; chấp hành xong ngày 05/7/2018.

+ Ngày 18/4/2019 bị TAND Cấp Cao Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tuyên phạt 03 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo Bản án số: 118/2019/HSPT; chấp hành xong ngày 06/5/2021.

+ Ngày 26/4/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng theo Quyết định số: 62/QĐ-TA.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn T2 - sinh năm: 1992; HKTT: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Có mặt).*

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B - sinh năm: 1976; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

3. Ông Nguyễn Tấn B1 - sinh năm: 1988; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

4. Nguyễn Đức B2 - sinh năm: 1999; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Có mặt).*

5. Ông Trần Thanh P - sinh năm: 2003; trú tại: Thôn X, xã X, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy H2 - sinh năm: 1990; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. *(Vắng mặt).*

2. Bà Hàng Kim H3 - sinh năm: 1992; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

3. Ông Nguyễn C1 - sinh năm: 1958; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

4. Ông Phạm Đình N - sinh năm: 1987; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

5. Bà Trần Thị Thanh V1 - sinh năm: 1998; trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

6. Bà Trần Thị Thanh T3 - sinh năm: 2000; trú tại: Thôn X, xã X, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Minh D - sinh năm: 1972; trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

2. Ông Lê Quang H4 - sinh năm: 1973; trú tại: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

3. Ông Phạm Đăng Q - sinh năm: 2002; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

4. Ông Lê Văn H5 - sinh năm: 1985; trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

5. Ông Đỗ Văn T4 - sinh năm: 2000; trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

6. Ông Nguyễn Trần Trung H6 - sinh năm 1988; trú tại: thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa *(Vắng mặt).*

7. Ông Phạm Quốc H7 - sinh năm: 2001; trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc H là người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 00h30’ ngày 11/11/2023, Nguyễn Ngọc H đi lòng vòng để tìm tài sản của ai sơ hở thì trộm cắp; khi đi ngang qua Trường T7: Thôn T, xã V, huyện V thì H đi bộ theo đường Quốc lộ rồi đi vào con đường bê tông bên hông T5 (con đường ở giữa T với Ban Q1), sau đó H dùng tay dỡ, đẩy làm bung phần chân lưới hàng rào B40 của T5 tạo lỗ hở rồi lẻn chui vào. Khi vào bên trong, H tiếp tục di chuyển xung quanh sau đó đi về hướng Nam thì thấy xe mô tô biển số 75C1 - 00161 của ông Nguyễn Văn T2, hiện đang là giáo viên ở lại tập thể của trường (xe mô tô này là của bà Nguyễn Thị Thúy H2 đứng tên chủ sở hữu và đã cho T2 nhưng chưa làm thủ tục sang tên) đang dựng trên hành lang của dãy nhà có mặt tiền quay về hướng Bắc (dãy nhà tập thể), thấy xe này không khóa cổ, không ai trông coi nên H lén lút lấy trộm xe này rồi dắt theo lối mà H đã lẻn vào, dỡ hàng rào kéo xe này ra ngoài đường rồi giựt dây bình ắc quy nối lại đề máy nổ chạy đi. Sau đó, H bán xe mô tô 75C1 – 00161 với giá là 500.000 đồng; có được tiền thì H tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số: 1266/KL.TCKH.TTHS ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận như sau: Tài sản thiệt hại là 01 xe mô tô biển số 75C1 - 00161 có giá trị: 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Quá trình làm việc với Cơ quan CSĐT Nguyễn Ngọc H còn khai nhận trộm cắp thêm 04 vụ như sau:

- *Vụ thứ 01:*

Khoảng 13h30’ ngày 13/11/2023, Nguyễn Ngọc H đi bộ một mình ngang qua nhà của bà Nguyễn Thị Ngọc B thuộc Thôn X, xã V, huyện V thì thấy cửa cổng nhà B khép hờ không khóa, trên sân xi măng trước nhà B có dựng 01 (một) xe mô tô biển số: 79V1-336.30, chìa khóa xe cắm sẵn trên ổ khóa nguồn, H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên và lén lút mở cổng nhà B rồi dắt trộm xe mô tô 79V1-336.30 ra ngoài đường và khởi động nổ máy điều khiển xe mô tô 79V1-336.30 chạy ra Quốc lộ A về khu vực thị trấn V để tìm người bán xe nhưng không ai mua.

Đến khoảng 18h00’ cùng ngày, H chạy xe mô tô 79V1-336.30 về nhà H để cất giấu, khi đang điều khiển xe đi trên Quốc lộ A theo hướng B – Nam đến đối diện trường L - xã V thì gặp anh Phạm Đăng Q chạy xe mô tô chở theo bà Nguyễn Thị Ngọc B chặn phía trước đầu xe nên H dừng xe, Hoàng nghĩ là chủ sở hữu xe đi tìm xe nên H nói với bà B *“xe của cô trả lại cho cô”,* H xuống xe và bỏ lại xe rồi bỏ đi, sau đó thì bị Công an xã V giữ lại, đưa về trụ sở làm việc.

Tại bản Kết luận định giá số: 548/KL-TCKH.TTHS ngày 16/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận như sau:

Tài sản thiệt hại là 01 xe mô tô biển số 79V1-336.30, nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter, số máy: E3S1E074008, số khung: 1340HY040354 có trị giá 18.558.000đ (mười tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- *Vụ thứ 2:*

Vào khoảng 14h00’ ngày 15/11/2023, Nguyễn Ngọc H đến nhà ông Nguyễn Tấn B1 thuộc thôn X, xã V, V chơi. Khi vào trong nhà thì chỉ có bà Hàng Kim H3 (vợ ông B1) đang nằm ngủ, ngoài ra không có ai, H quan sát thấy dưới chân đầu giường có một túi nhựa màu vàng, nghĩ trong túi này có tài sản nên H nảy sinh ý định trộm cắp, H đến gần và mở túi này ra thì thấy bên trong có tiền, sau đó H thò tay vào trong túi lấy ra một xấp tiền rồi bỏ vào trong túi quần đang mặc, khi chuẩn bị ra ngoài thì H nhìn thấy 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu VIVO Y16 đang đặt trên bàn học ở cạnh bên giường, H liền lấy trộm điện thoại này bỏ vào trong túi quần rồi nhanh chóng đi ra ngoài chạy ra phía bụi cây ở sau Chùa G1 - xã V để trốn, tại đây H lấy tiền vừa trộm được ra đếm thì được tổng số tiền 3.550.000 đồng. Sau đó, H đi bộ ra tới cầu H - xã V thì gặp 01 (một) thanh niên tên Đ, H nhờ Đ chở đến nhà ông Lê Văn V ở thôn Q, xã V. Tại nhà V, H nói với V là H bị gia đình đuổi đi, không có tiền nên H đã lấy trộm 01 điện thoại di động cảm ứng của họ hàng, nhờ V đi bán dùm để lấy tiền tiêu xài, V đồng ý. Sau đó, V bán điện thoại trên cho một người tên H1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 2.000.000 đồng, nhưng V nói với H chỉ bán được 1.500.000

đồng và đưa cho H 1.500.000 đồng, còn V giữ lại số tiền 500.000 đồng để tiêu xài. Có được tiền bán điện thoại, H đi đến khu vực thôn P, xã V gặp một người tên T6 (không rõ lai lịch, địa chỉ) mua ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, số ma túy đá này cùng với số tiền 500.000 đồng còn lại, H một mình sử dụng hết.

Đến trưa ngày 16/11/2023, ông Nguyễn Tấn B1 nghi ngờ H là người lấy trộm điện thoại và tiền của B1 nên đi tìm thì gặp H ở tại căn nhà hoang thuộc thôn X, xã V; B1 hỏi H có trộm cắp tiền, điện thoại của B1 không thì H thừa nhận với Bảo toàn bộ hành vi trộm cắp của mình cũng như đã tiêu xài hết số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại là 2.550.000 đồng H đưa trả lại cho B1. Sau đó, B1 làm đơn trình báo sự việc bị trộm cắp đến cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá số: 308/KL.TCKH.TTHS ngày 02/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận như sau:

1/ 01 (một) điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y16, màu vàng, dung lượng 64GB, có số IMEI: 60271100 có giá trị thiệt hại là 3.141.000 đồng.

2/ 01 (một) sim điện thoại, nhà mạng V3, có số thuê bao 0865677807 có giá trị thiệt hại là 40.000 đồng.

Như vậy tổng thiệt hại trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 15/11/2023 tại thôn X, xã V là: 3.141.000 đồng + 40.000 đồng + 3.550.000 đồng = 6.731.000đ (sáu triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

- *Vụ thứ 3:*

Vào khoảng 18h30’ ngày 17/11/2023, Nguyễn Ngọc H đi đến nhà của ông Đỗ Văn T4 thuộc Thôn X, xã V để chơi; khi đến nơi thì H không vào nhà mà đi lòng vòng phía trước cổng nhà T4. Lúc này, H thấy ông Nguyễn Đức B2, trú tại: Thôn X, xã V điều khiển xe mô tô biển số 79V1-515.92 đến và dừng xe này trong sân nhà của T4 rồi B2 đi vào bên trong nhà của T4 chơi. H thấy xe không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe này để bán, kiếm tiền tiêu xài. H lén lút đi vào trong sân thì thấy xe mô tô 79V1-515.92 vẫn còn chìa khóa đang cắm ở ổ khóa nguồn xe nên H nổ máy leo lên điều khiển xe mô tô 79V1-515.92 này chạy đi tẩu thoát. Sau khi lấy trộm được xe mô tô trên thì H điều khiển đến xã V để chơi và tìm chỗ để tiêu thụ. Tại đây, H gặp Phạm Quốc H7 là bạn bè ngoài xã hội của H rồi cả hai rủ nhau đi trên xe mô tô 79V1-515.92 này lòng vòng chơi, khi đến xã V thì xe mô tô 79V1-515.92 hết xăng nên H đưa xe này cho H7 để tìm chỗ đổ xăng còn H ở lại ngồi chờ nhưng không thấy H7 quay lại nên H bỏ đi. Sau đó, H không gặp lại H7 nên không biết hiện nay xe mô tô 79V1-515.92 này đang ở đâu.

Tại bản Kết luận định giá số: 368/KL-TCKH.TTHS ngày 05/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận như sau:

Tài sản thiệt hại là 01 xe mô tô biển số 79V1-515.92, nhãn hiệu WEIYANG, loại 110, màu sơn xanh-đen, số máy: 2FMHWR004252, số khung: H0ND71X04252 có giá trị là: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 4:

Vào khoảng 18h30’ ngày 24/11/2024, Nguyễn Ngọc H mượn xe mô tô 79V1-035.99 của ông Phạm Đình N; trú tại: Thôn X, xã V để đi công việc, sau đó H đem xe mô tô này đến trả nhưng nhà N đóng cửa nên H đem về nhà cất.

Đến sáng ngày 25/11/2023, do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô 79V1- 035.99 đến khu vực xã X, huyện V tìm tài sản của người dân để sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi H điều khiển xe mô tô đi trên đường gần đến chợ X - xã X, huyện V thì xe hết xăng, H xuống dắt bộ thì phát hiện biển số của xe mô tô 79V1-035.99 đã bị rơi mất không xác định đc vị trí, H dắt xe mô tô đến nhà ông Trần Thanh P tại Thôn X, xã X, huyện V để xin P tiền đổ xăng. Khi đến nhà P thì H thấy cửa cổng không đóng, quan sát xung quanh thấy có 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển số: 79V1-470.13 đang dựng ở sân xi măng trước nhà P, chìa khóa xe đang được cắm dưới vị trí cốp xe, không có ai trông coi nên H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nói trên; H bỏ lại xe mô tô 79V1-035.99 trên sân xi măng trước nhà P rồi đi đến tiếp cận xe mô tô 79V1-470.13, rút chìa khóa xe từ dưới cốp xe lên cắm vào ổ khóa, nổ máy khởi động và điều khiển xe mô tô 79V1- 470.13 chạy rời khỏi nhà P hướng về xã V để tìm nơi tiêu thụ. Tuy nhiên, khi mới đi gần đến thôn M, xã V, huyện V thì bị Công an xã X phát hiện giữ lại đưa về trụ sở làm việc.

Tại bản Kết luận định giá số: 316/KL.TCKH.TTHS ngày 23/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận như sau:

01 (một) xe mô tô biển số 79V1-470.13, nhãn hiệu HONDA, loại: Wave Alpha 110, màu sơn: xanh đen bạc, số khung: 3916KY019221, số máy: JA39E0875246 có giá trị thiệt hại là: 10.968.000đ (mười triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- *Vật chứng vụ án:*

+ 01 (một) xe mô tô biển số 79V1-336.30. nhãn hiệu YAMAHA, kiểu dáng JUPITER, màu trắng – đen, số máy: E3S1E074008, số khung: 1340HY040354; đã trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Ngọc B.

+ 01 (một) xe mô tô không gắn biển số, kiểu dáng Novo, số khung: P110BY366800, số máy: 5P11366802; đã trả lại cho chủ sở hữu là Phạm Đình N.

01 (một) xe mô tô biển số 79V1 – 470.13, nhãn hiệu HONDA, Wave Alpha, số khung: 3916KY019221, số máy: JA39E087524; đã trả lại cho chủ sở hữu là Trần Thanh P.

+ 01 tờ tiền Ngân hàng N1 mệnh giá 500.000 đồng (do Lê Văn V giao nộp) đang lưu giữ tại Kho bạc huyện V.

Tại bản Cáo trạng số: 57/CT-VKSVN, ngày 20 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố để xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn V về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa:

+ Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H, tuyên phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn V, tuyên phạt: Bị cáo Lê Văn V từ 06 (sáu) đến 09 (tháng) tù;

+ Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo Nguyễn Ngọc H và bị hại ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Đức B2; bị cáo Nguyễn Ngọc H bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn T2 số tiền 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng) và bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Nguyễn Đức B2 số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

+ Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng các bị cáo không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về sự vắng mặt của họ; đồng thời, lời khai của họ có tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, không có ai ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn V đều khai nhận hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng số: 57/CT-VKSVN, ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

- Nguyễn Ngọc H là người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định, trong khoảng một thời gian ngắn từ ngày 11/11/2023 đến 25/11/2023, H đã thực hiện liên tiếp 05 (năm) vụ trộm cắp tài sản tại các xã V, xã V, xã X thuộc huyện V, tỉnh Khánh Hòa, giá trị thiệt hại đều trên 2.000.000 đồng; cụ thể như sau:

+ Ngày 11/11/2023 trộm cắp xe mô tô 75C1 – 001.61 của Nguyễn Văn T2 có giá trị 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Ngày 13/11/2023 trộm cắp xe mô tô 79V1-336.30 của Nguyễn Thị Ngọc B có giá trị 18.558.000đ (mười tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

+ Ngày 15/11/2023 trộm cắp 01 (một) điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y16 có giá trị 3.181.000 đồng và 3.550.000 đồng tiền mặt. Như vậy tổng thiệt hại trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 15/11/2023 tại: X, xã V là: 6.731.000đ (sáu triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

+ Ngày 17/11/2023 trộm cắp xe mô tô 79V1-515.92 của Nguyễn Đức B2 có giá trị 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Ngày 25/11/2023 trộm cắp xe mô tô 79V1- 470.13 của Trần Thanh P có giá trị: 10.968.000đ (mười triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tổng giá trị thiệt hại trong 05 (năm) vụ trộm cắp tài sản do Nguyễn Ngọc H thực hiện có giá trị 49.157.000đ (bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Sau khi có được tiền từ việc bán tài sản trộm cắp, bị cáo H lấy đó làm nguồn sống chính.

- Ngày 15/11/2023, Lê Văn V mặc dù biết 01 (một) điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y16 là tài sản do Nguyễn Ngọc H trộm cắp mà có nhưng V vẫn đồng ý giúp H đi bán điện thoại nhằm hưởng lợi số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

b) Có tính chất chuyên nghiệp.

...."

Hành vi của Nguyễn Ngọc H đã đủ các yếu tố cấu thành tội *"trộm cắp tài sản"*, tội và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (có tính chất chuyên nghiệp).

Theo quy đinh tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Hành vi của Lê Văn V đã đủ các yếu tố cấu thành tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn V theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án thật nghiêm khắc và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa chung.

[4.2] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Ngọc H là người trực tiếp thực hiện 05 (năm) lần trộm cắp tài sản, bị cáo không có nghề nghiệp, dùng tiền trộm cắp tài sản để làm nguồn sống chính. Trong vụ án này tuy bị cáo không có tiền án nhưng bị cáo có 01 (một) tiền sự: Ngày 04/02/2021, bị TAND huyện Vạn Ninh ra Quyết định số: 16/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng. Chấp hành xong ngày 17/11/2022; đồng thời, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 18/11/2014, bị TAND huyện Vạn Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường G bắt buộc theo Quyết định số: 01/QĐ-TA thời hạn 18 tháng về hành vi *"Hiếp dâm trẻ em"* , chấp hành xong ngày 08/6/2016; ngày 24/11/2023, bị TAND huyện Vạn Ninh ra Quyết định số: 61/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng. Như vậy, dù đã bị xử lý nhiều lần nhưng bị cáo H không hề biết tiếp thu, sữa chữa sai phạm mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi, nhân thân của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, ngăn ngừa những hành vi tương tự.

Đối với bị cáo Trần Văn V2: Dù biết rõ 01 (một) điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y16 là tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có, nhưng bị cáo vẫn đồng ý giúp bị cáo H tiêu thụ; đây không những xâm hại đến trật tự công cộng, mà còn tạo điều kiện khuyến khích cho người khác đi vào con đường phạm tội. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu: Ngày 19/4/2010 bị TAND tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm tuyên phạt 09 tháng 9 ngày tù về tội *"Cướp tài sản"* theo Bản số: 59/2010/HSPT, bị bắt giam ngày 10/7/2009, được tuyên trả tự do tại Tòa theo Quyết định số 02/2010/HSPT-QĐ ngày 19/4/2010; ngày 19/9/2012, bị TAND tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm tuyên phạt 04 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* theo Bản án số: 150/2012/HSPT, chấp hành xong ngày 08/8/2015; ngày 14/2/2017, bị TAND huyện Vạn Ninh tuyên phạt 01 năm 3 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 12/2017/HSST, chấp hành xong ngày 05/7/2018; ngày

18/4/2019, bị TAND Cấp Cao Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tuyên phạt 03 năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo Bản án số: 118/2019/HSPT, chấp hành xong ngày 06/5/2021; ngày 26/4/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng theo Quyết định số: 62/QĐ-TA. Như vậy, dù đã bị xử lý nhiều lần, bị cáo V2 vẫn không tiếp thu, sửa chửa lỗi lầm mà còn tiếp tục phạm tội nên cần xét xử bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi, nhân thân của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, ngăn ngừa những hành vi tương tự.

[4.2] Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, truy tố; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Lê Văn V được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn"* quy định tại các điểm h khoản Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong một khoảng thời gian ngắn từ ngày ngày 11/11/2023 đến ngày 25/11/2023 mà bị cáo Nguyễn Ngọc H đã thực hiện 05 lần hành vi phạm tội "trộm cắp tài sản", thuộc trường hợp *"phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; do đó, cần áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà, bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Nguyễn Tấn B1, ông Trần Thanh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình N đều vắng mặt mặc dù Tòa án đã được triệu tập hợp lệ, nhưng căn cứ lời khai có tại hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn Thị Ngọc B đã nhận lại xe mô tô 79V1-336.30, không yêu cầu Nguyễn Ngọc H phải bồi thường gì về mặt dân sự; ông Nguyễn Tấn B1 không yêu cầu Nguyễn Ngọc H phải bồi hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng và giá trị thiệt hại của điện thoại hiệu ViVo Y16 bị mất cắp; ông Trần Thanh P đã nhận lại xe mô tô 79V1-470.13, không yêu cầu Nguyễn Ngọc H phải bồi thường gì về mặt dân sự; ông Phạm Đình N không yêu cầu Nguyễn Ngọc H phải bồi thường gì về biển số xe mô tô 79V1-035.99 do H làm rơi trong quá trình mượn xe của N. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại ông Nguyễn Văn T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường thiệt hại do xe mô tô 75C1-001.61 không thu hồi được với số tiền 8.400.000 đồng; bị

hại ông Nguyễn Đức B2 yêu cầu Nguyễn Ngọc H phải bồi thường thiệt hại do xe mô tô 79V1-515.92 không thu hồi được với số tiền 6.000.000 đồng. Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Ngọc H đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của ông T2, ông B2 nên cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường giữa bị cáo H và ông T2, ông B2; bị cáo Nguyễn Ngọc H bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2 số tiền 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng) và bồi thường cho ông Nguyễn Đức B2 số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

[6] Các vấn đề liên quan khác:

[6.1] Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc H khai: Sau khi lấy trộm xe mô tô 75C1 - 001.61 của ông Nguyễn Văn T2 thì đem xe này đến vựa thu mua phế liệu và bán cho ông Nguyễn Trần Trung H6; trú tại: thôn Q, xã V với số tiền 500.000 đồng; nhưng qua làm việc, H6 không thừa nhận việc mua xe, không thu giữ được xe mô tô 75C1-001.61; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ khác xác định lời khai của H là đúng, do đó không có cơ sở xử lý Nguyễn Trần Trung H6 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[6.2] Đối với người tên H1 mà Lê Văn V đã bán điện thoại ViVo Y16 có gắn sim số thuê bao 0865677807, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[6.3] Đối với người tên T6 mà Nguyễn Ngọc H khai nhận mua ma túy đá của T6 để sử dụng, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[6.4] Đối với Phạm Quốc H7, trong quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc H khai nhận, sau khi trộm cắp xe mô tô 79V1-515.92 của Nguyễn Đức B2 thì H đã gặp H7 rồi cùng chở H7 đi dạo chơi, sau đó H có đưa xe mô tô 79V1-515.92 cho H7 đi đổ xăng nhưng H7 không quay lại; tuy nhiên, qua làm việc, H7 không thừa nhận việc gặp H và chiếm đoạt xe mô tô trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành đối chất, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh lời khai của H hay H7 đúng; đồng thời, H còn xác định tại thời điểm trên không có ai khác chứng kiến, biết việc này; do đó, không có cở sở xử lý hình sự đối với Phạm Quốc H7.

[6.5] Đối với xe mô tô 79V1-035.99 mà bị cáo H điều khiển đi tìm tài sản trộm cắp vào ngày 25/11/2023 là của ông Phạm Đình N; khi cho bị cáo Hoàng m, ông N không biết H dùng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nên không có cơ sở để thu giữ.

[6.6] Đối với 02 xe mô tô biển số 75C1 - 001.61 của Nguyễn Văn T2 và xe mô tô 79V1-515.92 của Nguyễn Đức B2 sau khi Nguyễn Ngọc H trộm cắp thì chưa thu giữ được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành thông báo truy tìm vật chứng. Khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[7] Vật chứng vụ án:

- 01 (một) tờ tiền Ngân hàng N1 mệnh giá 500.000 đồng (do Lê Văn V giao nộp) đang lưu giữ tại Kho bạc huyện V, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, với số tiền mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền phải chịu là: 14.400.000đ x 5% = 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333, Điều 336 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 03 (ba) năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333, Điều 336 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Lê Văn V.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn V 06 (sáu) tháng tù về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có",* thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa bị cáo Nguyễn Ngọc H và bị hại ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Đức B2.

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc H bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn T2 số tiền 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc H bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Đức B2 số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Quy định: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không xét về việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm giữa bị cáo Nguyễn Ngọc H với bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Nguyễn Tấn B1, ông Trần Thanh P và giữa bị cáo H với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình N.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng Theo Giấy nộp tiền ngày 17/5/2024 của Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện V, Khánh Hòa, nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện V số: 3949.0.9042390.00000.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn V, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo của bị cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) là 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Nhật Hoàng